

Số: 01 /QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT
thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 685-NQ/BCS ngày 01/01/2019 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- Đảng ủy Khối CS Bộ tại TP. HCM;
- VP BCS Đảng Bộ;
- Công đoàn Ngành NN&PTNT;
- Đoàn TNCS HCM Bộ NN& PTNT;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH. (200)



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2019 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-BNN-KH
ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Ngày 01 tháng 01 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. Để kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết với các nội dung chủ yếu sau:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2018, ngành nông nghiệp triển khai kế hoạch trong bối cảnh rất nhiều thuận, thách thức đan xen; nhưng nhờ sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo điều hành sâu sát của Chính phủ, giám sát của Quốc hội, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành và địa phương, sự chung sức, vượt khó, sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, bà con nông dân, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện, có sự chuyển biến rõ nét, thực chất hơn trong thực hiện 3 đột phá chiến lược, cơ cấu lại ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới; đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra, góp phần vào tăng trưởng chung của cả nước, bảo đảm an sinh xã hội; trong đó, có một số chỉ tiêu hoàn thành xuất sắc, như xây dựng nông thôn mới cả nước có 3.787 xã, chiếm 42,4% số xã và 61 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 718 xã, tương đương 8,05% và 18 huyện đơn vị cấp huyện so với năm 2017); xây dựng thể chế, chính sách và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào ngành được tăng cường; chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện. Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tăng 3,86% so với năm 2017, GDP toàn ngành tăng 3,76%, là mức tăng cao nhất trong 7 năm trở lại đây.

Năm 2019 là năm có ý nghĩa quan trọng, bứt phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của cả nước và ngành. Ngành Nông nghiệp và PTNT sẽ có nhiều cơ hội nhưng cũng đối diện với nhiều thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền sản xuất nhỏ; biến đổi khí hậu gây nên nhiều hình thái thời tiết cực đoan, khó lường; thị trường nông sản thế giới và trong nước cạnh tranh gay gắt, xu hướng bảo hộ, ảnh hưởng của xung đột thương mại giữa các nước lớn; dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, khó lường. Những yếu tố trên sẽ tác động mạnh đến sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP và hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch đề ra.



II. MỤC TIÊU

Mục tiêu của kế hoạch ngành năm 2019 là tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển đất nước, kế hoạch phát triển ngành; tập trung thực hiện cơ cấu lại gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, toàn ngành nông nghiệp xác định “*Xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh*”. Các chỉ tiêu chính là:

- Tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt trên 3,0%;
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông lâm thủy sản đạt trên 3,11%;
- Kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt trên 43 tỷ USD, trong đó các sản phẩm trồng trọt 21 tỷ USD, thủy sản 10,5 tỷ USD, lâm nghiệp trên 10,5 tỷ USD, các mặt hàng khác 1 tỷ USD.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 41,85%;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 50%, có ít nhất 70 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả ba đột phá chiến lược trong phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tập trung cải cách, hoàn thiện thể chế để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp để nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Triển khai xây dựng và hoàn thiện các Nghị định, Quyết định, Thông tư theo đúng Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ năm 2019. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tập trung vào các quy định của Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Phòng, chống thiên tai và các luật, Nghị định có liên quan. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, khả thi.

Hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường trong nông nghiệp. Chủ động phối hợp đề xuất Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Đất đai theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của BCH Trung ương Đảng khóa XI và Chương trình hành động của Bộ về phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Đề xuất Chính phủ, Quốc hội tổng kết 5 năm (2013 - 2018) thực hiện Nghị quyết số 26/2012/QH13 ngày 21/6/2012 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân,



nông thôn; làm cơ sở định hướng xây dựng và thực hiện trong giai đoạn mới (bổ sung các yếu tố mới như hạ tầng thiết yếu cho thương mại nông lâm thủy sản, hạ tầng logistics phục vụ nông nghiệp).

Tập trung triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đầu tư xây dựng và khai thác công trình thủy lợi; hoàn thiện Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo đảm an toàn hồ chứa, công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu sản xuất và nhu cầu ngày càng tăng về cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

Nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng sản xuất nông lâm thủy sản, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại ngành, các dự án cấp bách. Thực hiện các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản, bao gồm các nội dung đầu tư Khu neo đậu tránh trú bão. Đẩy nhanh tiến độ các dự án kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, các dự án, công trình cung cấp dịch vụ công; tăng cường năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước đối với lực lượng kiểm lâm, kiểm ngư.

c) Đổi mới và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành, đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ tinh gọn, hiệu quả; chú trọng chất lượng đầu ra. Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thực hiện đồng bộ cả 3 nội dung về quy hoạch mạng lưới, tự chủ đại học và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện các giải pháp để phát triển nhanh các ngành dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp hàng hóa.

Tiếp tục thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực và Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành đã được phê duyệt. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động giảng dạy, nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Ưu tiên nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư cho các Viện, Trường thuộc Bộ theo chủ trương của Ban cán sự Đảng Bộ. Huy động sự tham gia của xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ hoạt động của các Trường.

Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nông dân theo các Quyết định: số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015. Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, gắn với giải quyết việc làm; gắn đào tạo với chuyển giao công nghệ mới và quy trình sản xuất mới cho nông dân.



2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế cả nước

Thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng Khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

Tập trung thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017; triển khai các Đề án, Kế hoạch, Chương trình hành động tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực và của các đơn vị, gắn kết chặt chẽ với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tạo chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả, sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững. Đánh giá lợi thế, tiềm năng để xây dựng, phát triển cơ cấu sản phẩm theo 3 trục sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Định hướng nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau:

a) Điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất

(1) Trồng trọt: Phần đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt khoảng 1,78%, giá trị gia tăng đạt 1,58%, kim ngạch xuất khẩu 21 tỷ USD. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả hơn (ngô, rau màu, cây ăn trái, cây lâu năm) và sang nuôi trồng thủy sản, nhất là ở các địa phương khó khăn về nguồn nước như miền núi phía Bắc, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long chuyển cơ cấu sản xuất từ Lúa - Trái cây - Thủy sản sang Thủy sản - Trái cây - Lúa; phát triển mạnh cây ăn quả, các loại rau, hoa theo hướng công nghệ cao, sạch, hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới có năng suất và chất lượng cao, thực hiện các giải pháp quy trình kỹ thuật tiên tiến, cơ giới hóa và phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Cây lương thực: Tập trung nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản xuất lúa gạo thông qua tăng cường sử dụng giống lúa chất lượng và giá trị thương mại cao bằng các biện pháp thâm canh đồng bộ. Tổng diện tích gieo trồng lúa khoảng 7,53 triệu ha, sản lượng đạt 43,7 triệu tấn. Duy trì diện tích ngô 1 triệu ha, sản lượng 4,8 triệu tấn; diện tích sắn 516 ngàn ha, sản lượng 9,96 triệu tấn.

Cây công nghiệp: *Cà phê:* Giảm dần diện tích, đặc biệt ở những vùng khó khăn về nước tưới để ổn định diện tích 660 ngàn ha, sản lượng 1,67 triệu tấn. *Cao su:* Tiếp tục giảm dần diện tích tại những vùng đất không phù hợp và duy trì diện tích khoảng 960 ngàn ha, sản lượng khoảng 1,18 triệu tấn. *Chè:* Giữ ổn định diện tích 128 ngàn ha, sản lượng trên 1 triệu tấn; đẩy nhanh diện tích trồng các giống chè mới theo hướng chế biến chè xanh chất lượng cao. *Cây điều:* Ổn định diện tích khoảng 305 ngàn ha, sản lượng khoảng 260 ngàn tấn. *Cây hồ tiêu:* Giám sát và quản lý phát triển sản xuất; các địa phương điều chỉnh diện tích phù hợp, bền vững; diện tích 140 ngàn ha, sản lượng 257,4 ngàn tấn.



Cây ăn quả và rau, hoa: Nâng diện tích cây ăn quả lên khoảng 964 nghìn ha; rau các loại 989 nghìn ha, sản lượng 17,6 triệu tấn; nâng cao năng suất, chất lượng để tăng sản lượng và giá trị; mỗi địa phương, vùng lựa chọn phát triển cây ăn quả lợi thế thành vùng hàng hóa quy mô lớn và sản xuất theo hướng GAP, bảo đảm an toàn thực phẩm và thực hiện rải vụ thu hoạch trái cây. Phát triển sản xuất rau, hoa công nghệ cao, hữu cơ quy mô lớn ở các vùng ven đô, các thành phố lớn.

(2) *Chăn nuôi:* Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt trên 4,15%, giá trị gia tăng 4%; sản lượng thịt hơi các loại 5,59 triệu tấn; thức ăn chăn nuôi khoảng 18,2 triệu tấn. Tiếp tục chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình công nghiệp, bán công nghiệp; nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến, có kiểm soát theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014. Cải tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi; phát triển giống chất lượng cao, phù hợp với vùng sinh thái; ưu tiên nhập khẩu giống tốt; tập trung giám sát, chủ động phòng chống dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện giải pháp tiếp cận, mở rộng thị trường, nhất là các sản phẩm chăn nuôi qua chế biến.

(3) *Thủy sản:* Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản đạt 4,69%, giá trị gia tăng khoảng 4,65%; phát triển đồng bộ cả khai thác và nuôi trồng, sản lượng đạt khoảng 8,08 triệu tấn (nuôi trồng đạt khoảng 4,38 triệu tấn, khai thác khoảng 3,7 triệu tấn); kim ngạch xuất khẩu đạt trên 10,5 tỷ USD.

Khuyến khích nuôi thâm canh, công nghiệp và quảng canh tiên tiến; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến và nuôi theo các tiêu chuẩn chứng nhận (GAPs). Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển 2 sản phẩm quốc gia (tôm và cá da trơn). Giữ ổn định diện tích nuôi cá tra khoảng 5,4 nghìn ha. Ổn định diện tích nuôi tôm sú khoảng 620 nghìn ha; phát huy lợi thế nuôi tôm thẻ chân trắng ở các vùng phù hợp và duy trì khoảng 105 nghìn ha; tập trung nâng cao chất lượng giống và mở rộng thị trường tiêu thụ cá tra; phát triển nuôi cá rô phi thâm canh trong ao ở đồng bằng Bắc Bộ, nuôi lồng bè ở các tỉnh Nam Bộ; nuôi nhuyển thẻ, rong biển, cá biển và các loại thủy sản khác phù hợp với từng vùng, miền và thị trường. Kiểm soát chặt chẽ và không chế tốt dịch bệnh trên tôm; kịp thời cảnh báo để hạn chế rủi ro.

Giảm sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi; thực hiện nghiêm quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản, sớm giải quyết vấn đề áp “thẻ vàng” của EC; hài hòa hóa các quy định về kiểm soát thủy sản theo thông lệ quốc tế. Chấm dứt tình trạng đánh bắt hải sản trái phép, không đăng ký, không khai báo. Tập trung phát triển chiến lược nuôi biển gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo và thực hiện Chiến lược biển Việt Nam. Phát huy và củng cố các mô hình đồng quản lý, các hiệp hội ngành hàng, các làng nghề ngư nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

(4) *Lâm nghiệp:* Phân đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp trên 6%, giá trị gia tăng đạt 5,8%, kim ngạch xuất khẩu trên 10,5 tỷ USD. Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng tự nhiên, thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng; bảo vệ phát triển quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp để tăng độ che phủ rừng lên trên 41,85%. Khôi phục hệ thống rừng ven biển, quản lý chặt chẽ rừng đặc



dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. Thực hiện kế hoạch trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị chuyển đổi sang mục đích khác.

Nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị từng loại rừng; nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng đa chức năng, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ; nâng cao mức đảm bảo cung gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; tạo cơ chế ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, khai thông thị trường. Tăng cường công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các vi phạm.

(5) *Diêm nghiệp*: Triển khai các giải pháp cải tạo nâng cấp và hiện đại hóa các đồng muối, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng sản lượng muối công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành, cải thiện thu nhập cho diêm dân. Diện tích sản xuất đạt 13.500 ha, sản lượng khoảng 1,3 triệu tấn. Đẩy mạnh sản xuất muối cung cấp cho công nghiệp hóa chất, chế biến muối iốt; thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân.

(6) *Phát triển công nghiệp chế biến NLTS*: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản và giảm tổn thất trong nông nghiệp; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng; đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp, nhân rộng các mô hình cơ giới hóa đồng bộ (phần đầu tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất cây hàng năm đạt 95%, khâu gieo trồng lúa đạt 45% và khâu thu hoạch lúa đạt 60%). Phát triển công nghiệp phụ trợ, tận dụng triệt để các phế phụ phẩm nông nghiệp tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất.

b) Rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện các quy hoạch phát triển nông nghiệp; chuẩn bị xây dựng các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch của Bộ thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 triển khai thi hành Luật Quy hoạch. Hoàn thành rà soát tổng thể, đồng bộ về quy hoạch, kế hoạch, cơ cấu sản xuất cây trồng, vật nuôi... phục vụ cơ cấu lại ngành, gắn với xây dựng nông thôn mới và phù hợp với Luật Quy hoạch. Xây dựng, triển khai nhiệm vụ lập 04 quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030. Ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành phục vụ quản lý khi các quy hoạch ngành, sản phẩm bị bãi bỏ theo Luật Quy hoạch.

Tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất gắn với lợi thế và nhu cầu thị trường, kết hợp phát triển ngành, vùng với phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị để xây dựng kế hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư. Phối hợp kiểm tra việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo quy định.

c) Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ

Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm cải thiện chất lượng và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông lâm thủy sản theo chuỗi giá trị. Đưa khoa học công nghệ vào phục vụ phát triển nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực xuất khẩu, sản xuất các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch.



Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, tổ chức nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng cơ chế hợp tác với doanh nghiệp nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo trong ngành. Triển khai các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sinh học...; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường huy động và khai thác nguồn lực đầu tư từ xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phân bổ và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực, biến khởi nghiệp sáng tạo là một trong những động lực đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng ngành.

Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành; hài hoà hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

d) Tổ chức lại sản xuất, kinh doanh; đổi mới và nhân rộng các mô hình có hiệu quả

Về công tác quản lý doanh nghiệp, công ty nông, lâm nghiệp: Cơ cấu lại các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ, trong đó tập trung cổ phần hóa; hoàn thành chuyển giao đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC. Tiếp tục chủ trì và phối hợp kiểm tra, đôn đốc, giám sát các địa phương thực hiện, đề cơ bản hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên cơ sở phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo Nghị quyết số 30-NQ/TW và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP.

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng, khuyến khích các mô hình sản xuất công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và các quy trình sản xuất tốt, liên kết theo chuỗi từ sản xuất, chế biến đến xuất khẩu. Đổi mới và phát triển, nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả đã được kiểm chứng; chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nông nghiệp. Thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả giai đoạn 2017 - 2020... Phát triển mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; đến hết năm 2019 có 11.250 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

đ) Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án hoàn thành trong năm 2019

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thực hiện cơ cấu lại đầu tư công thực chất hơn, để tập trung vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách phục vụ cơ cấu lại ngành và phòng chống thiên tai. Tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công được giao. Tập trung chỉ đạo, triển khai khởi công mới các dự án đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ cho các công trình thủy lợi lớn của ngành. Đẩy nhanh thực hiện, bảo đảm hoàn thành các dự án ODA theo đúng tiến độ hiệp định đã ký kết. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ triển khai nghị quyết số 71/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020. Tạo chuyển biến rõ nét trong giải ngân vốn đầu tư công;



thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu. Chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

e) **Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ, tăng cường xuất khẩu**

Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Nâng cao chất lượng, tăng sức cạnh tranh và tiếp cận thị trường cho sản phẩm từ khu vực nông thôn, gia tăng xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, thị trường. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để định hướng tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản hiệu quả... Triển khai các biện pháp phòng vệ thương mại, các rào cản kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế, đàm phán và ký kết các thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong kiểm dịch, bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp về pháp lý trong tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

Triển khai các chương trình, đề án nhằm mục tiêu đa dạng hóa, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản. Hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp xây dựng phát triển thương hiệu, gắn với chỉ dẫn địa lý, quảng bá sản phẩm; phát triển kinh doanh thương mại điện tử, các kênh phân phối, đẩy mạnh kết nối giữa nhà phân phối và nông dân tại các vùng sản xuất nông sản.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa; xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Xử lý nghiêm và công khai các hành vi gian lận thương mại, vi phạm qui định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh làm mất uy tín nông sản Việt Nam.

3. Tập trung phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

a) Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 theo các Quyết định: số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016, số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017

Triển khai Kế hoạch năm 2019 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020; tập trung thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan Chủ trương trình và nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện 11 nội dung thành phần của Chương trình; phấn đấu có 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã dưới 5 tiêu chí và có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 70 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, mỗi tỉnh có 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thành sớm mục tiêu kế hoạch 5 năm trong năm 2019. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình, nhất là về chất lượng công tác thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Xử lý dứt điểm và chấm dứt tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới. Triển khai kế hoạch toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình.

b) Quy hoạch và điều chỉnh dân cư

Triển khai thực hiện các giải pháp, chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014. Tiếp tục thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng đến năm 2020 (Năm 2019 bố trí sắp xếp ổn định dân cư với 15.000 hộ, trong đó vùng thiên tai

chiếm 70%). Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về bố trí ổn định dân cư trong tình hình mới.

c) Phát triển ngành nghề nông thôn

Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn; chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, phát triển các sản phẩm chủ lực theo 3 trục sản phẩm, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn và Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Phối hợp hỗ trợ các làng nghề, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất các sản phẩm thủ công truyền thống theo hướng hiện đại có sức cạnh tranh cao.

Trên cơ sở các mô hình điểm về xử lý môi trường ở các cơ sở công nghiệp chế biến, các làng nghề, triển khai kế hoạch về giải quyết môi trường các cơ sở này theo từng địa phương, vùng và cả nước, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường ở các làng nghề gần khu dân cư tập trung.

d) Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống của nông dân

Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị quyết số 76/2014/QH13. Tham gia thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình mục tiêu về an sinh xã hội, hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Triển khai có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, nhất là tại các xã nghèo, huyện nghèo; thực hiện cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015.

Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, các địa phương thực hiện có kết quả, hiệu quả các tiêu chí về văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, môi trường, thông tin, truyền thông...

4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch hành động về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, như Nghị quyết số 43/2017/QH14, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn; tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GAP, GMP, HACCP, ISO 22000...); tăng cường sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, thanh tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi sử dụng chất không đúng quy định; thực hiện mở rộng thí điểm thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của Chính phủ.

5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường



Tổ chức thực thi Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 về công tác phòng chống thiên tai...; hoàn thành Chiến lược Phòng chống thiên tai, Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp quốc gia. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo phòng chống thiên tai; đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp dịch vụ công về quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tham gia thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (các dự án ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và cam kết COP-21, P4G); tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào cho sản xuất; tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về công tác bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lợi, tài nguyên. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản; tập trung đầu tư các chương trình đã được phê duyệt. Ổn định dân cư vùng thiên tai, nhất là các hộ dân phải di dời. Sửa chữa khẩn cấp công trình đê điều, hồ đập bị sự cố và xử lý cấp bách các trọng điểm về sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển; tăng cường phòng, chống sạt lở bờ sông, suối, ven biển, kè sông, kè suối biên giới ở những vị trí xung yếu.

Triển khai hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ năm 2019 trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, xây dựng chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai cho các khu vực trên cả nước, nhất là vùng miền núi phía Bắc, ven biển miền Trung, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI và Kết luận của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Kiểm soát chặt chẽ việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, nhất là đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Rà soát, chuyển đổi linh hoạt, có hiệu quả cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

Tăng diện tích trồng rừng mới; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; khôi phục hệ thống rừng ven biển, phát triển dịch vụ môi trường rừng. Khôi phục hệ thống rừng phòng hộ, ngập mặn ven biển, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng.

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển các mô hình đồng quản lý nghề cá; xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải

sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường. Hình thành hệ thống khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh.

Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, tiết kiệm nước, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, khai thác, sử dụng bền vững nguồn nước, bảo đảm cân bằng sinh thái, giữ gìn đa dạng sinh học các vùng nước nội địa ở mức độ cao. Nghiên cứu giải pháp lâu dài để hạn chế, khắc phục hậu quả lũ lụt tại các tỉnh miền Trung, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

Tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng. Tiếp tục thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy

Về cải cách hành chính, hiện đại hóa công sở: Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2016 - 2020. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; thực hiện Chính phủ điện tử dựa trên cơ sở thiết kế tổng thể, thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo ra các dịch vụ nền tảng dùng chung. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa quốc gia, một cửa ASEAN. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch.

Về củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành: Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII và Chương trình hành động của Chính phủ. Thực hiện nghiêm việc đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trên cơ sở vị trí việc làm, số lượng người làm việc, tiêu chuẩn ngạch bậc công chức, chức danh nghề nghiệp và chức danh lãnh đạo, quản lý. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường thanh tra công vụ. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc; giảm hội họp, đơn giản hóa chế độ báo cáo. Kiên quyết hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế; giảm tối đa các Ban quản lý dự án.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong công tác lãnh đạo, quản lý điều hành; tăng cường trách nhiệm trong phối hợp công tác. Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, quản lý, sử



dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016.

b) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp

Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Chương trình/Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (phê duyệt tại Quyết định số 2484/QĐ-BNN-QLDN ngày 20/6/2016); số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ, cắt giảm thủ tục hành chính và các điều kiện đầu tư kinh doanh, coi đây là một khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng ngành, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các chính sách liên quan để tăng cường thu hút đầu tư từ nhân cả trong và ngoài nước vào nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy các hình thức đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong nông nghiệp theo Nghị định số 63/2018/NĐ-CP. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp quy mô lớn, thương hiệu mạnh, có hiệu quả, năng lực cạnh tranh cao, tham gia mạng sản xuất, kinh doanh và chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nhất là nhóm các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia; đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo, phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

Triển khai Kế hoạch năm 2019 của Bộ thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đồng bộ các giải pháp trong các Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo các Nghị quyết của Chính phủ: số 82/NQ-CP ngày 06/02/2014 về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 về thực hiện công tác phòng chống tham nhũng. Tổ chức thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 và Nghị định số 78/2013/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và Chương trình hành động của Chính phủ về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014, Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

8. Kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/W của BCH Trung ương Đảng khóa XI về Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện các



nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

Lồng ghép thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất với chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; hỗ trợ các xã, thôn, bản vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; kết hợp chính sách phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh khu vực biên giới, biển đảo.

Thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin, nhất là thông tin mạng; thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII và Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tổ chức phổ biến các FTAs, CPTPP, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả tại các thị trường đã có FTA. Tăng cường đàm phán mở cửa thị trường, cập nhật các thông tin về chính sách thương mại của các đối tác, các quốc gia khác để hướng dẫn các doanh nghiệp có phản ứng phù hợp, kịp thời. Chủ động triển khai những giải pháp tăng cường quản lý, kiểm soát hàng rào kỹ thuật, bảo đảm nhu cầu và bảo hộ hợp lý sản xuất theo quy định của pháp luật và phù hợp với cam kết quốc tế.

9. Thực hiện tốt và đổi mới công tác dự báo thống kê; thông tin tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

- Thực hiện kế hoạch công tác thống kê năm 2019; nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phục vụ sản xuất, kinh doanh của ngành. Thực hiện tốt công tác phối hợp về thống kê và chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý (gồm quản lý hành chính, sản xuất, chiến lược - kế hoạch, tài chính, nhân sự và tài nguyên). Phát triển hệ thống thông tin thị trường để hỗ trợ sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách. Thực hiện Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 về bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí. Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2019. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua “Chung sức thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”. Tiếp tục cụ thể hóa các phong trào thi đua chuyên đề, hướng ứng các phong trào thi đua do Trung ương phát động, như Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo trong toàn ngành. Xây dựng kế hoạch truyền thông về cơ cấu lại ngành và xây dựng nông

thôn mới năm 2019.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả phối hợp công tác với các Bộ, ngành liên quan, các đoàn thể, các địa phương trong kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các nội dung có liên quan tại Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ. Phối hợp rà soát kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp công tác đã ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với các cơ quan liên quan, các địa phương để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới; đồng thời đánh giá, rút kinh nghiệm để mở rộng ký kết chương trình hợp tác với các cơ quan khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng kế hoạch cụ thể ***trước ngày 15/01/2019*** và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị báo cáo Bộ (Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc hoàn thành, chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo gửi qua đường văn thư và hộp thư: longtg.kh@mard.gov.vn ***trước ngày 20 hàng tháng*** để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

3. Giao Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị tại cuộc họp giao ban thường kỳ của Bộ.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019
(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-BNN-KH ngày 02/01/2019, của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
I. Thực hiện hiệu quả ba đột phá chiến lược trong phát triển ngành					
1. Hoàn thiện thể chế, chính sách					
1.	Hoàn thành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL của Bộ năm 2019. Trong đó, tập trung xây dựng và trình Chính phủ ban hành các Nghị định hướng dẫn các luật: Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi	Vụ Pháp chế; các Cục: Trồng trọt, Chăn nuôi, các đơn vị được phân công	Các đơn vị liên quan	Các Luật và các Nghị định, Quyết định, Thông tư	Theo Kế hoạch riêng được phê duyệt
2.	Cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai gắn với cơ cấu lại nông nghiệp và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong lĩnh vực nông nghiệp	Vụ Pháp chế	Viện CS và CL phát triển NN, NT; Vụ Kế hoạch.	Đề án trình TTgCP	Theo Kế hoạch của Chính phủ
3.	Xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP (theo Kế hoạch năm 2019)	Vụ KHCN và MT, các đơn vị được phân công	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Các QĐ phê duyệt, công bố của Bộ	2019
4.	Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra chất lượng, ATTP đối với sản phẩm NLTS, nhất là kiểm tra ATTP đối với hàng NLTS nhập khẩu từ nơi sản xuất tạo thuận lợi cho việc thông quan tại cửa khẩu và giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành	Thanh tra Bộ, Cục Quản lý CL NLS và TS; Cục BVTV, Cục TY	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo của Bộ trình Chính phủ	2019
2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại					
5.	Xây dựng kết cấu hạ tầng thủy lợi đồng bộ, hiện đại	Các Tổng cục Thủy lợi, Phòng chống thiên tai	Cục QLXDCT; Vụ Kế hoạch; các Sở NN và PTNT	Các dự án theo KH đầu tư công 2019	Các dự án theo KH đầu tư công 2019
6.	Đầu tư hạ tầng công trình cấp nước sạch, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn	Tổng cục Thủy lợi	Các đơn vị liên quan	Báo cáo Bộ trưởng	2019

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
7.	Rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Thủy lợi	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt DA	2019 - 2020
8.	Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng DBSCL	Tổng cục Thủy lợi	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt DA	2019
9.	Huy động các nguồn lực để phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Các Tổng cục, Cục; Văn phòng DP NTM TW	Cục QLXDCT; Vụ Kế hoạch; các Sở NN và PTNT	Báo cáo của đơn vị trình Bộ trưởng	2019 và các năm tiếp theo
3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
10.	Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với giải quyết việc làm, phục vụ cơ cấu lại ngành và xây dựng nông thôn mới	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Trung tâm Khuyến nông QG; các Viện, Trường	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo QĐ số 971/QĐ-TTg, 01/7/2015
11.	Phát triển nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới (Theo Quyết định 1291/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2014)	Vụ Tổ chức cán bộ	Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả năm 2019	Theo Đề án của Bộ được duyệt
12.	Thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành NN và PTNT, theo Đề án được phê duyệt	Vụ Tài chính	Các Vụ: TCCB, QLĐN, KHCHN và MT, các DVSN	Theo Đề án của Bộ được duyệt	Theo Đề án của Bộ được duyệt
II. Cơ cấu lại nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành					
1. Tổ chức thực hiện các Đề án, Kế hoạch về tái cơ cấu ngành, lĩnh vực					
13.	Hoàn thành các nhiệm vụ, Đề án Chính phủ giao cho Bộ năm 2019 tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 ¹ và Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 ² và các Kế hoạch hành động của Bộ	Các đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, Đề án	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo Bộ kết quả thực hiện các nhiệm vụ, Đề án	2019

¹Về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

²Về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng



TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
14.	Triển khai thực hiện các Đề án/Kế hoạch TCC các chuyên ngành, lĩnh vực (đã được rà soát, điều chỉnh) phù hợp với thực tiễn và theo định hướng chung Kế hoạch toàn ngành theo QĐ số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017	Các đơn vị chủ trì Đề án/Kế hoạch	Vụ Kế hoạch. Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các QĐ của Bộ ban hành KH cơ cấu lại từng lĩnh vực	2019 - 2020
15.	Tiếp tục triển khai Kế hoạch cơ cấu lại sản xuất và các giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh đối với những nông sản chủ lực quốc gia (sản phẩm có kim ngạch XK từ 1,0 tỷ USD trở lên và thịt lợn, gia cầm)	Các Tổng cục: LN, TS; các Cục: TT, CN, CB và PTTNS	Vụ KH; các Cục: KTHH và PTNT, QLCL NLS và TS; các Sở NN&PTNT	Quyết định của Bộ phê duyệt Kế hoạch	2019 - 2020
16.	Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật; áp dụng các quy trình sản xuất tốt	Cục Trồng trọt	Các Vụ: Kế hoạch, KHHCN và MT; các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019-2020
17.	Tăng cường công tác bảo vệ thực vật, giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ sâu bệnh; quản lý tốt việc sản xuất, lưu thông và sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật	Cục Bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt. Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019-2020
18.	Rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam đến năm 2030	Cục Chăn nuôi	Cục Thú y; các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt CL	2019
19.	Điều chỉnh quy mô các loại vật nuôi theo nhu cầu thị trường để nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững; thực hiện các điều kiện tiếp cận thị trường để gia tăng xuất khẩu một số sản phẩm chăn nuôi có lợi thế.	Cục Chăn nuôi	Cục Thú y; các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả trình Bộ trưởng	2019
20.	Giám sát và kiểm soát phòng chống dịch bệnh; giám sát việc kinh doanh và sử dụng thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, bảo đảm ATTP	Cục Thú y	Cục Chăn nuôi; các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019

3

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
21.	Phái triển đồng bộ, hiệu quả cả khai thác và nuôi trồng thủy sản; khuyến khích nuôi công nghiệp, áp dụng KHCN và quy trình thực hành nuôi tốt; tổ chức liên kết chuỗi từ nuôi, chế biến đến xuất khẩu cá tra; thực hiện Kế hoạch phát triển ngành tôm nhằm đạt mục tiêu 10 tỷ USD xuất khẩu vào năm 2025	Tổng cục Thủy sản	Vụ KHCN và MT, Cục KTHH và PTNT; các đơn vị liên quan	Kế hoạch trình Bộ trưởng	2019-2020
22.	Xử lý các vụ việc phát sinh trên biển và hợp tác khai thác, chế biến hải sản; hải hòa hóa với các tiêu chuẩn quốc tế khác; gắn khai thác thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh quốc phòng trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc. Xử lý dứt điểm việc EU áp thuế vàng đối với thủy sản Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	QĐ của TTgCP phê duyệt KH	2019
23.	Chiến lược phát triển nuôi biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	QĐ TTgCP phê duyệt CL	Quý III/2019
24.	Rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 để phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	QĐ của TTgCP phê duyệt C ₁	2019 - 2020
25.	Bảo vệ, phát triển, sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất QH cho phát triển LN; khởi phục hệ thống rừng ven biển, kiểm soát chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng rừng và phát triển DVMTR Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm trình TTgCP	2018-2020
26.	Điều chỉnh Chiến lược phát triển lâm nghiệp đến năm 2030	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP	2019
2. Về công tác quy hoạch; nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ					
27.	Nhiệm vụ lập Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi (Quy hoạch ngành quốc gia)	Tổng cục Phòng chống thiên tai; Tổng cục TL	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt NV	2019

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
28.	Nhiệm vụ lập Quy hoạch Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (Quy hoạch ngành quốc gia)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt NV	2019
29.	Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản (Quy hoạch ngành quốc gia)	Tổng cục Thủy sản	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt NV	2019
30.	Nhiệm vụ lập Quy hoạch lâm nghiệp (Quy hoạch ngành quốc gia)	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan	Quyết định của TTgCP phê duyệt NV	2019
31.	Hoàn hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo kế hoạch năm; trong đó có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước của Bộ khi các quy hoạch ngành, sản phẩm bị bãi bỏ theo Luật Quy hoạch	Vụ KHCN và Môi trường; các đơn vị được phân công	Các đơn vị liên quan	Quyết định ban hành các TC, QC	2019
32.	Triển khai các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, biến khởi nghiệp sáng tạo là một trong những động lực đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng ngành	Vụ KHCN và Môi trường	Vụ Kế hoạch; các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo trình Bộ trưởng	Quý II/2019
3. Về đổi mới, tổ chức lại sản xuất; quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công					
33.	Thực hiện CTĐH của Chính phủ thực hiện NQTW 5 (khóa XII) về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của DNNN	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Vụ Kế hoạch; các đơn vị liên quan	Theo KHHĐ của Bộ	2019
34.	Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và hoàn thành thoái vốn tại các doanh nghiệp theo phương án được phê duyệt	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Doanh nghiệp thuộc Bộ	Quyết định của Bộ phê duyệt	Theo QĐ số 58/2016/QĐ-TTg
35.	Cơ bản hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Công ty nông, lâm nghiệp	Quyết định của TTgCP	Phương án TTgCP duyệt
36.	Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất NLTS phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019 và các năm tiếp theo

24 5

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIẠN HOÀN THÀNH
37.	Đẩy mạnh liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019 - 2020
38.	Thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả giai đoạn 2017 - 2020	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Tổng cục, các Cục; Vụ Kế hoạch	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019 - 2020
39.	Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo định hướng cơ cấu lại ngành	Vụ Kế hoạch	Cục QL XDCT; các TC, Cục, Vụ	BC giao ban tháng, hợp CP	KH đầu tư công 2019

4. Đẩy mạnh phát triển thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu

40.	Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích thụ sản phẩm NLTS nội địa, gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”	Cục Chế biến và PT TT nông sản	TT XTTM NN; các Sở NN và PTNT	Các cơ quan liên quan	2019
41.	Nâng cao năng lực hệ thống thông tin thị trường; nghiên cứu và dự báo cung cầu, quy mô và đặc điểm của từng loại thị trường xuất khẩu NLTS, cung cấp kịp thời cho các địa phương, DN và người dân điều chỉnh sản xuất phù hợp	Viện Chính sách và CL phát triển NN, NT	Cục CB và PTTNS; TT, TH và TK; Vụ KH	Báo cáo trình Bộ trưởng	Quý I/2019
42.	Chú trọng tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại; tăng cường kiểm soát rào cản kỹ thuật, tháo gỡ rào cản thương mại nhằm mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu NLTS	Các Cục: CB và PT TTNs, QLCL NLS&TS	Trung tâm XTTM nông nghiệp; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo trình Bộ trưởng	Theo kế hoạch năm 2019
43.	Triển khai các chương trình, đề án nhằm mục tiêu đa dạng hóa, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản	Cục Chế biến và PT TT nông sản	TT XTTM NN; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các QĐ phê duyệt CT/ĐA	2019-2020

III. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

1. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

44.	Hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 của Bộ thực hiện CT MTQG xây dựng NTM 2016 - 2020 và theo chỉ đạo của TTGCP, Trưởng BCD các CT MTQG	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện; các địa phương	Các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện	Theo Kế hoạch năm 2019 của Bộ
-----	---	--	---	--	-------------------------------

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
45.	Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu cuối năm 2018, cả nước có 50% xã và 70 huyện đạt tiêu chí nông thôn mới	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ	2019
46.	Triển khai kế hoạch toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình; chuẩn bị tổ chức đề xuất thực hiện nội dung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2030.	Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương	Các Tổng cục, Cục, Vụ, Viện; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Quyết định của BCĐ TW; văn bản liên quan	Quý I- IV/2019
47.	Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030	Văn phòng ĐP NTM Trung ương	Các Cục: Chế biến và PTTNS, KHTH& PTNT	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019
2. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống của nông dân					
48.	Nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững; hỗ trợ phát triển sản xuất trong CT MTQG giảm nghèo bền vững	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo dự án	Theo tiến độ các dự án
49.	Tăng cường kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra chất lượng, VS ATTP đối với sản phẩm NTTS, thực hiện kiểm tra tận gốc hàng NLTS nhập khẩu tạo thuận lợi cho việc thông và giảm tỷ lệ các lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra giai đoạn thông quan	Các Cục: QL chất lượng NLS và TS, BVTV, Thú y	Tổng cục Thủy sản; các Cục; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo kết quả tháng, quý, 6 tháng, năm 2018	Năm 2019 và theo Chỉ số 13/CT-TTg
50.	Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm	Thanh tra Bộ; các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Thanh tra các Sở NN và PTNT; các đơn vị liên quan	Báo cáo kết kết quả thanh tra, kiểm tra	31/12/2019 và theo KH thanh tra, KT
IV. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường					
51.	Đề án nâng cao năng lực Quốc gia về phòng, chống thiên tai	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi; các đơn vị liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	2019

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
52.	Nghiên cứu, xây dựng chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai cho các khu vực trên cả nước, nhất là vùng miền núi phía Bắc, ven biển miền Trung, Tây Nguyên và DBSCL	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi; các đơn vị liên quan	QĐ TTgCP phê duyệt CTr	2019 - 2020
53.	Tăng cường năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, trong đó trọng tâm là di dân khẩn cấp, phòng chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất vùng thiên tai; bảo đảm an toàn hồ chứa, hệ thống đê sông, đê biển	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi; các đơn vị liên quan	Kế hoạch của Bộ thực hiện Đề án nâng cao năng lực QG về PCTT	2019 và các năm tiếp theo
54.	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với BĐKH; di dân tái định cư khỏi vùng có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất	Tổng cục Phòng chống thiên tai	Tổng cục Thủy lợi; các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	2019 và các năm tiếp theo
55.	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về thích ứng với biến đổi khí hậu (COP21), các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và tăng trưởng xanh.	Tổng cục Phòng chống thiên tai; Lâm nghiệp	Tổng cục Thủy lợi; các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	2019 và các năm tiếp theo
56.	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; nâng cấp cơ sở hạ tầng NLTS	Tổng cục Thủy lợi	Cục QLXDCT; các Tổng cục, Cục chuyên ngành	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	Theo các Chương trình, Đề án, Dự án
57.	Theo dõi, đánh giá, dự báo nguồn nước, xâm nhập mặn và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông	Tổng cục Thủy lợi	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Các Bản tin dự báo về nguồn nước và KH sử dụng nước	Định kỳ
58.	Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững DBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu và KH hành động của Bộ	Vụ Kế hoạch	Các TC: PCTT, TL; Viện CS và CL PT NN, NT	Các chương trình/ĐA được phê duyệt	2019
59.	Quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, BQL rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng	Vụ Quản lý doanh nghiệp; Tổng cục LN	Các địa phương có liên quan	Báo cáo của Bộ gửi CP để trình Quốc hội	Theo NQ số 112/2015/NQ-QH13



TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
60.	Nâng cao hiệu quả, nhân rộng thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Khởi phục hệ thống rừng phòng hộ, ngập mặn ven biển, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	2019
61.	Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.	Tổng cục Lâm nghiệp	Các đơn vị liên quan; các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo của Bộ trình TTgCP	2019
V. Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xây dựng Chính phủ điện tử					
62.	Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ; các Sở Nông nghiệp và PTNT	KHHĐ thực hiện CTHĐ của CP	2019
63.	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Nội vụ	Kế hoạch của Bộ gửi Bộ Nội vụ	2019
64.	Siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường thanh tra công vụ	Vụ Tổ chức cán bộ; VP Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, Bộ Nội vụ	Xây dựng KH gửi Bộ Nội vụ	2019 và các năm tiếp theo
65.	Đổi mới phương thức, lề lối làm việc; giảm hội họp, đơn giản hóa chế độ báo cáo. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các kiến nghị của người dân, DN về cơ chế, chính sách, TTHC	Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ, Trung tâm Tin học và Thống kê	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ, VPCP	2019 và các năm tiếp theo
66.	Phấn đấu tăng tối thiểu 20% số lượng cuộc họp theo hình thức trực tuyến; cắt giảm 20% chế độ báo cáo định kỳ	Văn phòng Bộ	Vụ TCCB; các đơn vị thuộc Bộ	Kế hoạch thực hiện của Bộ	2019
67.	Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 và Chỉ thị số 8362/CT-BNN-TCCB ngày 04/10/2016	Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Vụ Tổ chức cán bộ	Theo Chỉ thị số 26/CT-TTg, 05/9/2016	Thường xuyên

 9

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
68.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính. Tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ.	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VPCP	Theo Kế hoạch CCHC năm 2019
69.	Tập trung cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin...	Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính	TT TH và TK, các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VPCP	Theo KH CCHC năm 2019
70.	Tổ chức triển khai việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ	Trung tâm TH và TK, các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VPCP	2019 và các năm tiếp theo
71.	Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Các đơn vị thuộc Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, VP Bộ	Các đơn vị liên quan	Báo cáo của Bộ gửi Bộ Nội vụ; VPCP	2019
72.	Sửa đổi, bổ sung Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện lĩnh vực Bộ quản lý	Vụ Pháp chế	Vụ QLDN, các đơn vị liên quan	Theo NB của Chính phủ	2019
73.	Nâng cao hiệu quả kiểm tra chuyên ngành đối với với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ, cắt giảm thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh cụ thể, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp	Các Tổng cục, Vụ chuyên ngành	Vụ Pháp chế, Vụ TCCB, Văn phòng Bộ	Báo cáo tình hình Bộ trưởng	Quý III/2019
74.	Nghi định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2017/NĐ-CP để quy định cơ quan kiểm tra Nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu là các tổ chức do Cục BVTV - Bộ NN và PTNT ủy quyền/chi định; cho phép doanh nghiệp được thực hiện đóng gói phân bón tại cảng mà không cần Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu, không kiểm tra đối với từng lô hàng nhập khẩu	Cục Bảo vệ thực vật	Tổng cục Thủy sản; Cục QL chất lượng NLS và thủy sản. Vụ Pháp chế	Nghi định	Tháng 6/2019

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
75.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 02-2019/NQ-CP và số 35/NQ-CP ³ ngày 16/5/2016	Vụ Pháp chế; Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Tổng cục, Cục, Vụ được phân công	Các báo cáo của Bộ gửi Chính phủ	Theo Kế hoạch hành động của Bộ
76.	Thực hiện Chương trình hợp tác giữa Bộ và VCCI giai đoạn 2016 - 2020 về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào NN, NT	Các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Kế hoạch	Cục CB và PTTNS, Viện CSCL PT NN, NT	Theo Quyết định của Bộ phê duyệt KH	2019
77.	Thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa XII) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân	Vụ Quản lý doanh nghiệp	Các Vụ: Kế hoạch, HTQT; các đơn vị liên quan	Theo KHHD của Bộ	Theo KHHD của Bộ
VI. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng					
78.	Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Thanh tra Bộ, Vụ TC	Các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo năm 2019 gửi TTraCP	Theo Kế hoạch của Bộ năm 2019
79.	Phối hợp để trao đổi cung cấp thông tin về tham nhũng. Đẩy mạnh thanh tra trách nhiệm thực thi công vụ; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả năm 2019 gửi TTra CP	2019
80.	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về phòng chống tham nhũng. Tăng cường phòng chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả năm 2019 gửi TTra CP	2019
81.	Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo gửi Thanh tra CP	Kế hoạch năm 2019
VII. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kết hợp phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; hội nhập quốc tế					
82.	Hoàn thành các nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 1059/NQ-UBTVQH ngày	Các Tổng cục, Cục; các Sở	Vụ Kế hoạch	Báo cáo của Bộ gửi Bộ QP,	Quyết định 2779/QĐ-

³Về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020


1.

TT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
	09/11/2015 về thực hiện chính sách, pháp luật kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh	Nông nghiệp và PTNT		VPCT và UBTVQH	BNN-KH, 06/7/2016
83.	Kết hợp kinh tế với bảo đảm QP, AN trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành	Vụ Kế hoạch; các TC, Cục, Vụ	Các Sở NN và PTNT, các đơn vị thuộc Bộ	Các báo cáo quy hoạch, kế hoạch	Hàng năm, 5 năm và từng QH, KH
84.	Nâng cao hiệu quả vận động tài trợ quốc tế cho ngành; tăng cường các hoạt động đàm phán mở cửa thị trường	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	Hàng quý
VIII. Đẩy mạnh công tác truyền thông; nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo					
85.	Tăng cường năng lực công tác dự báo cung cầu thị trường nông sản	TT TH và TK, Viện CS và CL PT NN, NT	Vụ Kế hoạch, Cục CB và PTTT, các đơn vị liên quan	Các báo cáo trình Bộ trưởng	Hàng tháng, quý và theo yêu cầu
86.	Ứng dụng CNTT trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ	Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ	Trung tâm TH và TK, Vụ Kế hoạch	Báo cáo năm 2019 gửi VPCT, Bộ TT và TT	Tháng 12/2019
87.	Đẩy mạnh phong trào thi đua "Chung sức thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới"	Vụ Tổ chức cán bộ	Hội đồng TDKT Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, các Sở NN và PTNT	Báo cáo gửi Ban Thi đua KT TW, Bộ KH và ĐT	2019
88.	Đẩy mạnh phong trào thi đua đổi mới và phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn cả nước	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ TCCB, các Sở Nông nghiệp và PTNT	Báo cáo gửi Ban Thi đua KT TW	Tháng 11/2019
89.	Thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp công tác đã ký kết giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với các cơ quan liên quan, các địa phương	Các đơn vị được Bộ giao chủ trì	Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Báo cáo trình Bộ trưởng	2019
90.	Đề án nâng cao năng lực công tác thống kê, dự báo ngành giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Trung tâm TH và TK	Vụ KH, các đơn vị liên quan, Bộ KH và ĐT (TCTK)	QĐ của TTGCP phê duyệt Đề án	2019 - 2020